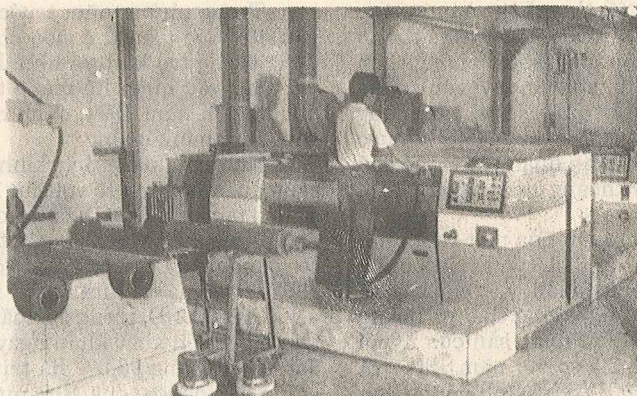


Kinh tế VN đã đạt được nhiều kết quả đáng phấn khởi từ năm 1989 đến nay. Kết quả đạt được chủ yếu là do đổi mới cơ chế về mọi mặt: đường lối xây dựng kinh tế xã hội, luật pháp kinh tế xã hội và tổ chức nhà nước.

Chính vì tác động quan trọng của cơ chế đối với kinh tế mà việc tiếp tục đổi mới cơ chế cũ và kiện toàn cơ chế mới càng trở nên quan trọng. Việc đặt vấn đề cải tổ hành chính nhà nước cùng kết hợp với cải tổ kinh tế là



xã hội chính trị lớn trong tương lai.

Tốc độ, phát triển trung bình 7%/năm không phải là thấp, nếu thấy rằng từ năm 1965 đến nay, những con rồng châu Á có tốc độ phát triển trung bình năm là 5,5%, các nước công nghiệp phát triển có tốc độ tăng trưởng 2,2%, các nước Nam Mỹ là 2% và Châu Phi chưa được 0,5 %. Trung Quốc phát triển trung bình từ năm 1979 đến nay khoảng trên 9% là trường hợp ngoại lệ, nhưng họ luôn

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CƠ CHẾ NHÀ NƯỚC VÀ VẤN ĐỀ KINH TẾ VIỆT NAM

TS. VŨ QUANG VIỆT

hết sức đúng đắn. Vấn đề đặt ra là: những đường lối, pháp luật, chính sách gì cần đổi mới thêm và cơ chế nào cần thay đổi thêm để thực hiện được đường lối, pháp luật và chính sách mới? Đây là những vấn đề phức tạp, vừa đòi hỏi nghiên cứu sâu, rút kinh nghiệm của thế giới để đề ra giải pháp cho phù hợp với tình hình cụ thể của VN, vừa đòi hỏi biện pháp cụ thể nhằm thực hiện cho có kết quả. Dưới đây tôi xin góp ý vào một vài điểm trong những vấn đề trên, những điểm mà tôi có tâm hiệu biết nhất định.

1. Hướng phát triển và kế hoạch kinh tế những năm sắp tới

Hiện nay có sự hồ hởi (có vẻ hơi quá đáng) về khả năng phát triển của nền kinh tế VN. Tình cảm hồ hởi này bắt nguồn từ tình hình phát triển kinh tế tốt đẹp những năm vừa qua cũng như việc đất nước đã thoát khỏi tình trạng bị cô lập hóa, mở ra cơ hội và khả năng nhận được viện trợ và vay mượn từ nước ngoài trong những năm sắp tới.

Nếu xét từ năm 1989 đến nay, kinh tế đất nước ta phát triển với tốc độ trung bình mỗi năm 6,7%. Tốc độ này có thể nói là do tác động của vay mượn, viện trợ, đầu tư trong quá khứ như đầu

hòa, điện... và tác động của việc thay đổi cơ cấu những năm qua.

Nó hoàn toàn không phải là kết quả của những đầu tư những năm vừa qua. Đầu tư những năm vừa qua quá nhỏ bé chỉ bằng 10% GDP, trong đó 7% là để thay thế hao mòn tài sản cố định. Vì vậy muốn giữ được tốc độ này đòi hỏi phải có đầu tư mới ở mức đáng kể. Khi nói đến đầu tư, ta không thể bỏ qua nguồn gốc của tài chính đầu tư: từ nội bộ trong nước, từ nước ngoài, từ vay mượn, thế nào là tỷ lệ thích hợp để đất nước vẫn còn chủ quyền kinh tế trong tương lai? Những vấn đề này cần đem lên bàn cân. Dĩ nhiên ta không đặt ra những tỷ lệ cứng nhắc mà cần điều chỉnh tùy từng thời kỳ, nhưng về lâu dài phải đạt được một tỷ lệ quân bình nào đó. Không thể chỉ nhằm vào tốc độ phát triển cao và coi như thế là tất cả.

Tôi thấy tốc độ phát triển trung bình 7% trong năm năm sắp tới là tốc độ phát triển có thể đạt được đồng thời không có tính chất phiêu lưu có thể tạo ra các "cổ lọ" (bottle necks) trong nền kinh tế, có thể gây ra khủng hoảng kinh tế, đưa đến khủng hoảng xã hội và chính trị. Đi vào một cuộc chạy đua kinh tế mà luật lệ,

nguyên tắc của cơ cấu mới chưa được xác định sẽ tạo nên những nguy cơ không lường trước được. Nền kinh tế thị trường là cạnh tranh, đôn phếp, kể cả những đôn phếp dơ bẩn nhất nếu như không có luật pháp và cơ chế kiểm soát. Hàng nước hoa Thanh Hương là một thí dụ. Ngay như việc đầu tư của ngoại quốc vào nước ta vừa qua, mặc dù không đáng kể cũng đã tạo nên những "cổ lọ" nguy hiểm về việc tăng giá đất đai khi chưa có chính sách thuế đất, thuế chuyển nhượng địa ốc và thuế tiền lời địa ốc: tốc độ tăng nhu cầu xây dựng, nhu cầu đất đai đã đẩy tới tình trạng nhẩy vọt quá đáng về giá nhà cửa, đất đai. Tình hình vừa qua nếu tiếp tục sẽ đưa đến sự phá sản của rất nhiều các cơ sở tín dụng tư nhân và nhà nước đồng thời tạo nên dây chuyền ảnh hưởng nguy hiểm cho toàn bộ nền kinh tế. Hậu quả của một cuộc chạy đua khi chưa có luật lệ này đã để lại hậu quả là giá nhà cửa hiện nay đã xuống nhưng còn quá cao so với lương của lao động VN, và với lương hiện nay dù ở mức cao nhất do nhà nước quy định, người lao động VN không có hy vọng gì có được một nơi cư trú độc lập trước khi hết đời nếu chỉ dựa vào đồng lương. Đây sẽ là vấn đề

bị rơi vào giai đoạn phát triển quá nóng, lạm phát bùng nổ, đời sống khó khăn phải ghim cứng lại. Tốc độ phát triển cao này chỉ tập trung ở vài địa phương (vì đây là biện pháp hữu hiệu để đạt tốc độ phát triển cao) đang là vấn đề lớn gây thắc mắc trong nông dân và các địa phương khác.

Ở VN, đưa ra tốc độ quá cao như 9-10% một năm trong khi hạ tầng cơ sở (đường sá, cầu cống, điện, văn phòng làm việc, chuyên viên) chưa đủ, bản thân vốn liếng mình không có không thể nào không đưa đến bùng nổ giá cả, kể cả nợ nần nước ngoài chồng chất, mà nếu không muốn vay nợ thì phải biến VN thành nơi chủ yếu cung cấp nhân công rẻ cho người nước ngoài.

Để đạt được tốc độ trung bình năm 7% cũng đòi hỏi những cố gắng lớn, tức là tốc độ đầu tư phải được đưa lên cao hơn nhiều, và tốc độ tăng tiêu dùng phải giữ ở mức vừa phải. Theo tính toán của tôi, để tăng trung bình 7% trong 5 năm tới, ta cần nâng mức đầu tư lên 20% GDP, trung bình khoảng 2,3 tỷ USD một năm, giữ mức tăng tiêu dùng khoảng 3% một năm, mức để dành từ nội bộ nền kinh tế là 1,0 tỷ USD một năm, tức là tỷ lệ để dành so

với GDP là 11-12% và như vậy nguồn tài chính từ nước ngoài mỗi năm cần tới 1,3 tỷ những năm sắp tới. Trong 1,3 tỷ cần từ phía ngoài, 600 triệu USD có thể là từ vay mượn, viện trợ, 700 triệu USD là từ đầu tư nước ngoài. Với tốc độ phát triển trên, thì số đầu tư ngoại quốc cần thu hút vào Việt Nam đã bằng 30% tổng đầu tư trong nước, một con số đáng kể khi so với mức độ đầu tư ở ngoại quốc vào những nước châu Á trong 5 năm qua, tương đương với Singapore, gấp đôi Hồng Kông, gấp 3 lần Malaysia và gấp 15-20 lần Trung Quốc và CH Triều Tiên. Nếu đẩy mức độ này lên hơn nữa thì ta phải xét tới viễn tượng chủ quyền hoặc ít nhất là ảnh hưởng kinh tế của nước ngoài vào VN trong tương lai, đặc biệt là tỷ lệ đầu tư của những nền kinh tế nổi tiếng Trung Quốc vào VN hiện nay đã lên tới 40% tổng số đầu tư được chấp nhận của ngoại quốc vào nước ta. Ta cần mở rộng tỷ lệ đầu tư của các nước phát triển khác nhưng trong giai đoạn hiện nay không phải là dễ dàng. Mức đầu tư trên thế giới của Nhật đã xuống đáng kể và sẽ còn tiếp tục xuống vì kinh tế khó khăn ở châu Á, đầu tư của Mỹ vào khu vực Đông Nam Á chỉ khoảng 2 tỷ USD một năm sẽ không phải là nguồn đầu tư quan trọng cho VN.

Như vậy chiến lược bảo đảm độc lập kinh tế là phải nâng mức để dành trong nội bộ nền kinh tế. Tỷ lệ để dành năm 1989 chỉ có 5% GDP, năm 1992 theo tôi ước tính là 8,5%. Tốc độ phát triển kinh tế 7% năm trên trong vòng 5 năm tới đòi hỏi tỷ lệ để dành phải được nâng lên 11-12% GDP. Để phát triển vững chắc và không đưa vào viện trợ và vay mượn như hiện nay, tỷ lệ để dành phải là 24-29% như một số nước Á châu có tốc độ phát triển nhanh. Cơ chế ngân hàng, vai trò của nó và chính sách lãi suất phù hợp để huy động tiết kiệm sẽ phải là vấn đề cần đi sâu và cần có cái tư toàn diện. Cũng như muốn phát triển vững chắc ta cần nắm vững chiến lược phát triển xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu

không cần thiết, tạo sự cạnh tranh, xóa bỏ độc quyền nhưng đồng thời phải có chính sách bảo hộ nhất định hàng hóa trong nước. Kinh nghiệm của Nhật, CH Triều Tiên, Đài Loan chứng tỏ rõ quan điểm này. Thế nhưng hiện nay nhiều biểu hiện cho thấy ta đã mở rộng thị trường một cách vô lối. Không thể tưởng tượng được nhà nước ta lại cho phép công ty ngoại quốc sản xuất bia ở VN với kỹ thuật đơn giản mà lợi nhuận lại rất cao. Ta phải tự hỏi tại sao Pháp lại giành độc quyền sản xuất rượu bia ở thuộc địa. Và rồi đến thuốc lá nữa?

2. Cơ sở cải cách tiền lương

Chính sách lương bổng nhà nước đưa ra năm vừa qua được xây dựng trên hai nguyên tắc: (i) lương cơ bản

nhà nước rất lâu nhưng có người được chia nhà và có người chưa được chia, phần chia cũng không đồng đều giữa các thành phố, có người ở TP.HCM được chia nhà có giá trị gấp cả nghìn lần giá trị nhà được chia ở các thành phố khác. Chỉ nhìn một căn nhà hoặc diện tích được chia của một cán bộ trung cấp ở TP.HCM và chỗ ở của một cán bộ cao cấp ở Hà Nội là quá rõ. Chính sách này đã bị phản đối là quá dễ hiểu bởi nó là một chính sách chưa hợp lý. Chúng ta phải xóa bỏ bao cấp nhà cửa, đưa tới lương bổng hợp lý và công bằng cho cả nước, nhưng đây không phải là chính sách công bằng xã hội.

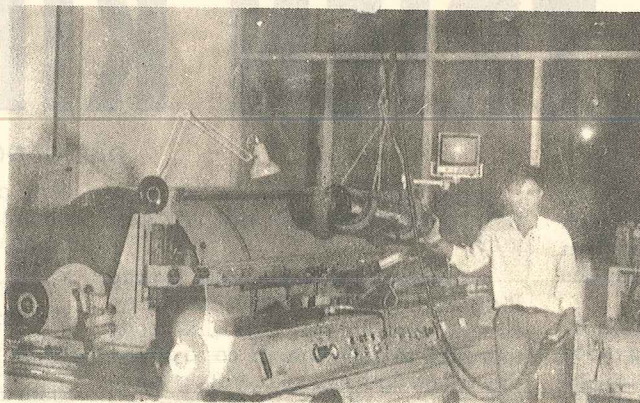
Vì những bất công và vô lý của chính sách kiểu này, tôi xin đề nghị phương

trung hạn từ 1 đến 5 năm và có lãi tương đương với lãi bỏ quỹ tiết kiệm ở mức thấp nhất. Tôi đề nghị là 5 năm nhưng có thể cần tính lại tùy theo số tiền nhà nước phải bỏ thêm để trả nhưng chưa thể trả vì điều kiện tài chính không cho phép do nếu in tiền ra trả lương thì sẽ gây ra lạm phát. Khả năng trả thêm tùy thuộc vào tốc độ phát triển kinh tế 5 năm tới và khả năng thu thuế của nhà nước. Trong khi thực hiện biện pháp này, cần ưu tiên phát lương bằng tiền mặt ngay cho những nơi đã được trả lương cao, để tránh kéo lương của họ xuống quá đáng và ưu tiên cho các cơ quan công quyền mà lương quá thấp có thể ảnh hưởng đến đạo đức công việc như công an, hải quan, viên chức tòa án, viện kiểm soát...

(c) Trên cơ sở lương cơ bản mới này, tính lại lương cho những năm trước đây cho mỗi công chức nhà nước. Lương trước đây sẽ phải thấp hơn vì năng suất trước đây thấp hơn. Như vậy lương trước đây đáng lẽ được hưởng sẽ được quyết định bởi lương hiện nay và năng suất những năm trước đây, ngạch trật tương đương trước đây và thời gian phục vụ cho nhà nước. Như vậy cần tính lại lương bổng mỗi công chức đã được hưởng, trong đó lương, bổng và nhà cửa. So sánh mức lương bổng đã được hưởng và mức lương bổng đáng lẽ được hưởng. Đối với phần khác biệt công chức phải hoàn trả lại, nhà nước lấy lại qua bổng nhà cửa quá đáng và trả bằng nhà có giá trị thấp hơn. Đối với phần khác biệt nhà nước phải trả, nhà nước có thể trả bằng công trái phiếu dài hạn từ 15 - 20 năm, được hưởng lãi suất tương đương với lãi suất ngân hàng ở mức thấp nhất. Lý do trả bằng công trái dài hạn vì số lương phải trả thêm có thể rất lớn.

Tôi mong nhà nước sẽ xét lại chính sách lương bổng hiện nay, để đưa một chính sách lương bổng công bằng, hợp lý và có thể thực hiện được, tức là không gây ra lạm phát ♣

(Còn tiếp một kỳ)



theo cùng ngạch trật giống nhau cho mỗi công chức nhà nước làm việc ở bất cứ nơi nào trên đất nước, (ii) sự khác biệt về giá cả ở các vùng được giải quyết bằng lương phụ cấp đắt đỏ. Chính sách tổng quát như vậy là đúng đắn. Tuy nhiên chính sách này có khuyết điểm trầm trọng là nó không lưu ý đến tình hình hiện tại cũng như tàn dư của quá khứ. Tình hình hiện tại cho thấy lương hiện nay của công chức ở nhiều nơi ở miền Nam cao gần gấp đôi lương công chức ở miền Trung hoặc miền Bắc. Như vậy thực hiện chính sách lương này đòi hỏi kéo lương những người đang nhận lương cao xuống, hoặc tạm hoãn thực hiện. Tàn dư của quá khứ cho thấy rằng nhiều người đã làm việc với

pháp giải quyết như sau:

(a) Tính toán lại xem lương tối thiểu nhằm bảo đảm đời sống tối thiểu. Trên cơ sở lương tối thiểu này, tính lại lương cho các bậc lương khác và sau khi cộng thêm mức bù đắt đỏ tùy theo địa phương, nếu phải giảm lương ở nơi nào trả cao hơn mức lương quy định thì việc giảm lương này là hoàn toàn hợp lý vì không thể chấp nhận cùng một bậc công chức lại có lương khác nhau tùy ngân sách địa phương giàu hay nghèo.

(b) Thực hiện ngay lương và bậc lương giống nhau cho toàn quốc, phần nào nhà nước giải quyết được bằng tiền mặt thì sẽ giải quyết ngay, phần nào chưa giải quyết bằng tiền mặt được thì giải quyết bằng phiếu nợ ngắn hạn hoặc